

HỘI QUÁN/PHẬT GIÁO HÒA HẢO
PANAT/HOLDING CAMP

DANH SÁCH - CỰU TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

STT/HỌ TÊN	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	NGU TẠI	CƠ QUAN	CẤP BẬC	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO					NGÀY ĐẾN THAI LAND	NGÀY NHẬP TRẠI	HỌ	
								Thời gian cải tạo	TLP	Đến	LÝ DO	GIẤY RA TRẠI				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
01.	NGUYỄN THANH NHĨA	1942	Tx Tây Ninh - Tây Ninh	62/112651	Thiếu tá	Chỉ huy trưởng	Chỉ huy Đuôi Thành - Bể Sét	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cải quân nhân	43/GRT	Thành Hố 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B
02.	NGUYỄN HỮU HIẾU	1939	Bình Minh - Cửu Long	59/510091	Đại úy	Chỉ huy trưởng	Thiết đoàn 19 Ky. Bình	48 tháng	15.04.75	06.80	-nt-		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E
03.	TRẦN NGỌC TIẾNG	1949	Châu Phú - An Giang	69/510741	Trung úy	Trung đội trưởng	Trại Khu Kèo Tường	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	-nt-	40/GRT	Xuân Hòa 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F*
04.	PHAN THANH BĂNG	1951	Phước Tân - An Giang	71/134305	Thiếu úy	Phản chỉ huy trưởng	P.CK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	-nt-	52/86/BNN	Q. Klong. 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F
05.	NGUYỄN THU BA	1939	Châu Thành - An Giang	Điền cơ 121225	Thượng sĩ I		BĐ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	-nt-	196/QĐ	Q. Klong. 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F
06.	VÕ THAI LỘC	1943	Chợ mới - An Giang	63/171309	Trung úy (Đặc phái)	Phó ty	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	-nt-	09/ĐĐUB	Kiên Giang 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L
07.	NGUYỄN VĂN TRI	1954	Sài Gòn	74/143707	Sinh viên Sĩ quan		Trường Sĩ Quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	-nt-	156/GRT	Thủ Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L
08.	NGUYỄN THANH HẢI	1950	Cần Thơ - Hậu Giang	70/704026	Thiếu úy	Trợ ban phòng giao	Ty 4 An Ninh, Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	-nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C
09.	HỒ QUANG THUẬN	1963	Sóc Trăng - Hậu Giang					14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hậu Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D
10.	HUỠNH THỊ NGỌC MAI	1952	Bình Minh - Cửu Long					12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi chiến phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L
11.	LŨ XƯƠNG	1952	Trà Cú - Cửu Long	72/703728	Trung sĩ	Trợ ban Văn Thư	Giảng đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cử Long 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C
12.	ĐẶNG VĂN MINH	1953	Long Xuyên - An Giang			Trợ lý Giám đốc	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A
12B.	LÊ QUANG PHÚC	1944	Bạc Liêu - Minh Hải	64/101388	Trung úy	Trung đội trưởng	Đội 883 Biệt lập T. Khu Gia Định	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cải quân nhân	248/ĐĐ	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F*
13.	TIỀN KIM BÉ	1953	Sóc Trăng - Hậu Giang		Thủ ký	Đánh máy	Đại đội 813 Phân tá Q. Cú Sóc Trăng	06 Tháng	01.06.75	01.12.75	Cải quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C
14.	HUỠNH VĂN GIÁO	1944	Long Xuyên - An Giang					12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C
15.	NGUYỄN VĂN RAO	1944	Phước Châu - An Giang			Thủ ký	Ban Tr. Sĩ PGTH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 Tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F
16.	HUỠNH VĂN BẢO	1944	Bình Minh - Cửu Long	64/502690	Hạ sĩ I	Thủ kho TPPT	Trại đoàn 32 BĐQ	01 tháng			Cải quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L

DANH SÁCH - CỰ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

PC. PO. BOX 18
PANAT NIKHOM CHONBURY 20140
THAILAND.

CÁC VỊ	ĐƠN VỊ SÀI CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO				NGÀY ĐẾN	NGÀY NHẬP TRẠI	HOUSE	BT - PST	NGƯỜI CÙNG ĐI (Nếu có)	SANG NAM	LIÊN HỆ GIA ĐÌNH	GHI CHÚ		
		Thời gian cải tạo	TƯ	Đến	LƯU DO										
(8)		(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
Chủ tịch	Chiều Đức Thành - Bắc	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cầu quân nhân	43/GRT	Thái Hà 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B8	PST 02271				Đã được Tổng hội Nhân
Chủ tịch	Thiệt đoàn 40. Kỳ Bình	48 tháng	15.04.75	08.80	nt-		Mỹ Hải	06.05.89	08.09.89	2E1	BT 50126				Nhân chính Tr Công Sản VN
Chủ tịch	Trần Khu Kiến Tường	80 tháng 40 ngày	10.05.75	21.01.82	nt-	40/GRT	Xuân Ngọc 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F22	BT 50549				Cấp CERTIFICATION ngày
Chủ tịch	PCK Vĩnh Xương - Châu Đốc	96 tháng	05.05.75	30.04.78	nt-	82/GB/BNN	Q. Khung 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F10	BT 50712	Bùi Thị Tròn Phan Thị Mỹ Hạnh Phan Thị Vĩnh Trung Phan Thị Kim Ngọc Phan Đức Thành	1954 1974 1979 1984 1988	vợ con con con con	NGUYEN HAU (199)
	Bổ Chỉ Huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	nt-	136/GB	Q. Khung 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F18	BT 50554	Lê Kim Anh Nguyễn Ngọc Quý Nguyễn Thái Sơn	1936 1968 1985	vợ con con	
Chủ tịch	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt-	09/ADUB	Kiên Giang 12.01.77	02.12.89	01.02.90	2L15	PST 03042	Võ Thái Bình	1969	con	
	Trưởng H/S quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	nt-	156/GRT	Thái Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L16	BT 03126	Nguyễn Văn Tâm	1966	Em ruột	Tham gia Mặt Trận Dân Quốc Phước An
Chủ tịch	Ty 4 An Ninh - Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C19	BT 050100	Nguyễn Thị Ngọc Thu Nguyễn Thị Giang Thanh Nguyễn Thanh Bình	1951 1986 1988	vợ con con	ngày 15/10/75 đến ngày 06/04/76
		14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Huỳnh Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D4	BT 3724				Tham gia từ tháng 3/81 đến 10/11/81 bị bắt
		12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L4	PST 03174				Tham gia Khởi loạn Phục Quốc từ ngày 16/5/89
Chủ tịch	Giảng đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cần Long 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C25	BT 3580	Lữ Thái	1966	Em ruột	đến 28.10.82
Chủ tịch	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A40	PST 03684	Đặng Giang Minh Tung	1974	con	Tham gia vụ án Cao Đài - Tôn giáo bị bắt chính quyền từ tháng 01/83 đến tháng 02/83 bị bắt tháng 04/83
Chủ tịch	Đoàn 683 Biệt lập T. Khu Gia Định	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cầu quân nhân	248/GB	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F23	BT 50917				Đã gởi H/S cho H/S CTNET ngày 6/3/90
Chủ tịch	Đại đội 843 Yểm trợ Q. cũ	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cầu quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50095				Mất giấy cải tạo
		12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50095				nt-
Chủ tịch	Ban Tr. Sĩ PGH X. Vĩnh Lộc An	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F9	BT 50710	Bùi Thị Nang Nguyễn Tấn An	1946 1969	vợ con	nt-
Chủ tịch	Tiền đoàn 32 B.Đ.Đ	01 tháng			Cầu quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L25	PST 03158	Huỳnh Văn Phương	1983	con	nt-

... 2000 ...

DATE RECEIVED BY THE STATE OF NEW YORK

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	PHAN BA BACH	1946	Phu Tan - Angiang			Pho Kiem Sat	Ngan hang quốc gia VN	14 ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			24.04.89	05.09.89	2D
18	NGUYEN THE HUNG	1942	Chợ mới - Angiang	69/525298	Binh II		Sư đoàn 9 BB	14 tháng	08.77	01.78	Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	2C
19	DOAN VAN CO	1932	Chợ mới - Angiang			Truong ban	Sở quân thuộc Hải quân				Công chức			07.11.89	13.12.89	2E
20	LE VAN SU	1956	Chau Thanh - Angiang				Nhân dân Tự vệ	03 ngày	05.05.75	08.05.75				23.09.89	06.10.89	2F
21	NGUYEN KIM HOANG	1958	Sai Gon	KCC 9358	Tan binh		Trig tam huân luyện Rừng sát	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15495/CN	Sai Gon 31.07.75	06.05.89	08.09.89	2F1
22	DUONG NGOC THO	1958	Thiet Nhat - Hau Giang				Bảo An Hoa Hao	07 ngày						30.12.89	05.02.90	2L2
23	TRAN VAN THUAN	1955	Khai Vung - Dong Thap				Nhân dân Tự vệ	03 ngày						30.12.89	05.02.90	2L3
24	DANG VAN HUNG	1957	Binh Minh - Cần Long				Nhân dân Tự vệ	20 ngày						11.01.90	25.02.90	2L3
25	DANG NGOC QUANG	1953	Thanh Hung - Dong Thap	53/740486	Binh II	Ban I	Tiền đoàn 441 BQ TK Sa Đéc	07 ngày						16.02.90	13.03.90	
26	BUI VAN KE	1956	Binh Duc - Angiang	86/502032	Binh II		Tiền đoàn 32 BQ							27.10.89	22.12.89	2B6

Tổng kết danh sách gồm
Tất cả chi tiết ghi trên đây là
trảch nhiệm về những lỗi khi
Lam tại Phan

Tổng kết danh sách gồm
Tất cả chỉ tiết ghi trên đây là
trách nhiệm về những lỗi khi
lưu tại Phanat
THAY B

7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Kiểm soát	Ngân hàng quốc gia VN	01 ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			14.04.89	05.09.89	2D16	BT 9959				mặt giấy cải tạo
	Sứ đoàn 9 BBL	01 ngày	01.08.75	01.08.75	Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	2C4	PST 02695				
Đồng hành	Sở quân thực địa				Công chức			07.11.89	13.12.89	2F5	BT 50863				
	Nhân dân Tự vệ	05 ngày	05.05.75	05.05.75				23.09.89	06.10.89	2F35	BT 50382	Huỳnh Hồng Sơn Lê Thanh Hiệp Lê Thanh Thảo Lê Thanh Hằng	1936 1978 1981 1983	Nhà Còn Còn	30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980
	Trại huấn luyện rừng	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15H05/CN	Sài Gòn	31.07.75	06.05.89	08.09.89	2E1	BT 50217			Có giấy cải tạo
	Bảo An Hòa Hảo	07 ngày						30.12.89	05.02.90	2L25	PST 3165	Dương Thị Tiên	1956	Reli note	mặt giấy cải tạo
	Nhân dân Tự vệ	03 ngày						30.12.89	05.02.90	2L33	PST 3169				-nt-
	Nhân dân Tự vệ	20 ngày						11.01.90	25.02.90	2L30	PST 2891	Trần Hồng Thắm Đặng Trường Giang Đặng Hồng Thọ Đặng Thị Mai Nguyễn Thị Sánh	1953 1984 1987 1985 1981	Nhà Còn Còn Còn Còn	30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980
m I	Trại huấn luyện	07 ngày			Cựu quân nhân			16.02.90	13.03.90		PST 3685				
	Trại huấn luyện				Thống gia phục quốc			28.10.89	22.12.89	2B6	PST 02165	Lê mai Bùi Văn Khanh Bùi Văn Khương Bùi Văn Ngạc	1958 1983 1985 1987	Nhà Còn Còn Còn	30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980 30.01.1980
Tổng kết danh sách gồm 27 form (có 12 Bức) Tất cả chỉ tiết ghi trên đây đã được thực hiện đúng theo yêu cầu của Ban chấp hành và những lời khai này. Lưu tại Panat Holding Camp ngày 26-03-1990 TM/BDD/HQ/PGHH/Panat Holding															

TRẦN NGỌC TIẾNG

Panat, ngày 27.08.1990

Kính thưa chị.

Trước hết, chúng em xin phép được gửi đến chị lòng cảm kính và chân thành tri ân chị cũng thành kính nguyện cầu sức khỏe của chị và gia đình.

Kèm theo đây, qua chỉ dẫn của VP/GH/PGHH/HN (Lê Thái Hòa VP/BTS/PGHH/HN) chúng em gửi đến chị Danh sách lý lịch Cựu tù Nhân/Chính trị, Tôn giáo/PGHH. Kính mong chị cảm thông và giúp đỡ cho tiến độ chúng em - chị cũng đã biết - Giữa chúng em và tổng sản - "Không thể" đời chung trời....

... Thay đổi ách tổng sản đến đây - Không biết bao giờ chúng em mới thoát khỏi cảnh này...

Trong khi chờ đợi - Kính xin chị nhận nơi đây lòng thành kính và biết ơn của chúng em.

Kính thư

TM/BDD/HQ/PGHH/Holding.

Địa chỉ: Lê Thái Hòa

VP/BTS/PGHH/HN

Silver Spring, MD20901

-USA-

Trần Ngọc Giảng

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME



Am-Bé
Thư đẹp
cùng gia đình
nên gửi thư
thoải mái
FEB 2 2 1990

Nguyễn thị Minh Phương (KMT)
P.O. Box 5435 ARLINGTON
VA 22205 0635
USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ฝาก SENDER'S NAME AND ADDRESS

Coran ngọc Gieng - BT 050549 - House # 2F22 - PC Po Box 18
Panat Nikhon - Chonburi 20140 - Thailand THAILAND

ถ้าสิ่งที่ใส่ในซอง จะส่งจดหมายอากาศนี้ไปทางธรรมดา IF ANYTHING IS ENCLOSED THIS AIR LETTER WILL BE SENT BY SURFACE MAIL



TO OPEN SLIT HERE

Minh Phuong,

Nhận được thư của em tôi (Trần Công Quý) hơn một tháng nay. Trong thư có địa chỉ của Minh Phuong - Khô² nôi, em tôi lại không nói rõ quan hệ giữa chúng tôi và Minh Phuong thế nào (?) - Bởi do dự và ... mất ngủ nhiều đêm ... Không có lý nào (?) ...

(Nghĩ ngổ, nhưng tôi lại nguyên câu ... đúng thật như vậy ...)

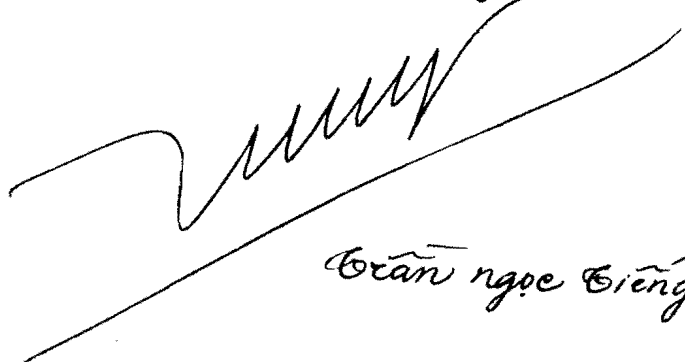
Còn bây giờ, dấu thế nào đi nữa, quyết định về liên hệ tình cảm ... Cách xưng hô ... là do ở Minh Phuong. Bởi sự thật rất hiển nhiên tuổi mắt là Minh Phuong đã ở USA ... phần tôi còn năm trái cảm chỗ ... "thanh lọc"! - Một người ở Chiên đang và một kẻ còn năm trong ... địa ngục!

Quy vậy, bởi nguyên câu Minh Phuong vui vẻ cho tôi được phép câu chúc Minh Phuong mọi sự như ý và ... từ mai không già!

Cũng gởi lời thăm tất cả gia quyến ...

Ngày đêm tôi mong mỗi hồi âm

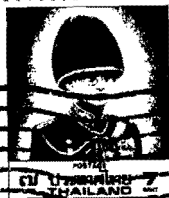
xin tạm dừng bút



Trần Ngọc Cường

Bé
hú
lên
Tư
vi
lưu
số
vết
lốt
lấm
lấm
Gửi
bà
Hào
Đi
hồ
Hào

APR 03 1990

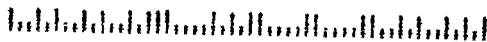


Kinn & Kunt Cho

P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

5125 30530304 ** CR 8009
***** AUTOMATED MAIL (MUN) *****

PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Crân Ngoc Giang
BDD/HQ/PGHH/Holding
BT050549 - House #2F22 - P.P. Box 18
Panat Nikhom - Chon Buri 20140
Thailand

C O N T R O L

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date
_____ Membership Letter

4/2/90